

Số: 79/2020/QĐST-HNGĐ

Hương Trà, ngày 24 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 87/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Thái Dương HT, xã Hải D, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Đào Thị K**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Thái Dương HT, xã Hải D, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2002 tại UBND xã Hải D, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh C, chị K trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn của anh C, chị K.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K có 03 người con chung tên là Nguyễn Văn A, sinh ngày 24/6/2003; Nguyễn Thị Diệu Ch, sinh ngày 07/01/2006; Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/12/2012. Anh C, chị K thỏa thuận là giao 03 cháu cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu A, Ch, T đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh C, chị K là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí toà án: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K phải chịu 300.000 đồng, mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 24/6/2003; Nguyễn Thị Diệu Ch, sinh ngày 07/01/2006; Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/12/2012 cho chị Đào Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu A, Ch, Tú đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền anh C, chị K đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 7492 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh Nguyễn Xuân C và chị Đào Thị K đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã Hải D;
- Các đương sự;
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Vinh Phú